TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 766/2019/DS-ST

Ngày: 19-8-2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Văn A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Đường M, Phường A, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Bùi Thanh H , sinh năm 1957.

Địa chỉ: Đường A (số cũ F), Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn bà Bùi Thanh H vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm Văn A trình bày: Do chỗ quen biết

với bà Bùi Thanh H nên ngày 08/9/2017, ông có cho bà Bùi Thanh H có mượn số tiền là: 428.660.000 đồng để bà H sử dụng cá nhân. Bà H có viết giấy mượn tiền cho ông và hẹn từ ngày 8/9/2017 đến ngày 8/10/2017 trả lại số tiền, nhưng đến nay bà H vẫn không trả số tiền này. Khi ông cho bà H vay mượn tiền thì ông không biết họ tên chồng của bà H và ông không yêu cầu chồng bà H cùng có trách nhiệm với bà H trong việc mượn tiền nêu trên.

Do bà H không trả cho ông đúng hạn cam kết nên ông khởi kiện yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thanh H phải trả số tiền 428.660.000 đồng theo giấy mượn tiền mà bà H viết cho ông ngày 08/9/2017 trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luuật. Ông không yêu cầu bà H phải trả lãi số tiền 428.660.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 08/9/2017.

Số tiền 4.080.000 đồng là chi phí giám định theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên ngày 05/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công An Thành phố Hồ Chí Minh thì ông tự chịu chi phí này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thanh H không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A .

Tại phiên Tòa: Hội đồng xét xử xem xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19/7/2019 của nguyên đơn ông Lâm Văn A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Bùi Thanh H trả số tiền 428.660.000 đồng và không yêu cầu tính lãi theo giấy mượn tiền ngày 08/9/2017, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền 4.080.000 đồng là chi phí giám định theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên ngày 05/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công An Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ ký, chữ viết và dấu vây tay của bà H thì ông tự chịu chi phí này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thanh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông A khởi kiện bị đơn bà H trả số tiền vay còn thiếu là phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ vào kết quả xác minh của Công An Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: "*Đương sự Bùi Thanh H , có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đường A (số cũ F), Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bà H bán nhà đã lâu, đi đâu không rõ. Công An phường không nắm được tên cũng như địa chỉ nơi ở chồng hợp pháp của bà H* ", thì theo Giấy mượn tiền, giấy chứng minh nhân dân bà H và sổ hộ khẩu chủ hộ tên bà H là tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bên vay bà H đã cung cấp địa chỉ số Đường A Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bên cho vay ông A . Do bà H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo kết quả xác minh của Công An Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà H có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại Đường A (số cũ F), Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn bà H được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Nguyên đơn ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên Tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên xét xử vắng mặt ông A .

[1.6] Bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Nguyên đơn ông Lâm Văn A

yêu cầu buộc bị đơn bà Bùi Thanh H trả số tiền 428.660.000 đồng theo giấy mượn tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông A tự chịu số tiền 4.080.000 đồng chi phí giám định theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên ngày 05/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công An Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ ký, chữ viết và dấu vây tay của bà H và không yêu cầu giải quyết khoản tiền này, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1.1] Căn cứ vào sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân bà H và giấy mượn tiền là tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông A cung cấp thì nội dung giấy mượn tiền có nêu như sau: "*Tôi Bùi Thanh H 8-5-1957, thường trú tại Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, CMND số 021571382 có mượn của cậu Lâm Văn A, sn 02-1-1976, CMND số 211947200, Đường M, Phường A, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 428.660.000 đồng. Hẹn trong vòng 1 tháng trả lại số tiền nói trên. Ngày 08/9/2017 đến 08/10/2017 trong thời gian hẹn không trả tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật…*". Do bị đơn bà H vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà H về yêu cầu và phạm vi khởi kiện của nguyên đơn ông A . Để chứng minh việc vay mượn giữa bà H và ông A theo giấy mượn tiền bà H viết, ký là có thật nên ông A đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thu thập tài liệu mẫu chữ ký và chữ viết của bà H để yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định giấy mượn tiền này. Ngày 25/9/2018 ông A có đơn trưng cầu giám định giấy mượn tiền và Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định trưng giám định số 280/2018/QĐ-TCGĐ ngày 25/9/2018, trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công An Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của bà Bùi Thanh H đối với tài liệu cần giám định là giấy mượn tiền cùng các tài liệu mẫu so sánh do Công An Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp là bản chính tờ khai chứng minh nhân dân số 021571382 lập ngày 05/01/2011 mang tên Bùi Thanh H, sinh ngày 08/5/1957 cho Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 894/TAQ3 ngày 26/7/2018.

[2.1.2] Theo kết luận giám định số 1382/KLGĐ-TT ngày 25/10/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công An Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về đối tượng cần giám định như sau: " *Chữ ký và chữ viết họ tên Bùi Thanh H trên giấy mượn tiền (tài liệu cần giám định) so với chữ ký và chữ viết dùng làm mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra. Hai dấu vân tay đứng tên Bùi Thanh H trên giấy mượn tiền thể hiện mờ, nhòe nên không đủ yếu tố giám định…*". Vì vậy, kết luận giám định số 1382/KLGĐ-TT ngày

25/10/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công An Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là chứng cứ phù hợp với quy định tại Điều 93 và khoản 6 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Giấy mượn tiền mà bà Bùi Thanh H viết, ký xác nhận mượn số tiền 428.660.000 đồng của ông A là có thật.

[2.1.3] Căn cứ tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*." Và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn",* thì đối chiếu nội dung thỏa thuận của Giấy mượn tiền mà bà H xác nhận có mượn của ông A số tiền 428.660.000 đồng, hẹn trong vòng 1 tháng trả lại số tiền 428.660.000 đồng, ngày 08/9/2017 đến 08/10/2017 trong thời hẹn không trả thì bà H chịu trách nhiệm trước pháp luật. Vì vậy, thời hạn cuối cùng bà H trả số tiền 428.660.000 đồng cho A là ngày 08/10/2017. Do bà H không trả số tiền 428.660.000 đồng cho ông A là bà H vi phạm cam kết trả nợ theo giấy mượn tiền mà bà H đã viết, ký xác nhận cho ông A . Nên việc ông A yêu cầu bà H trả số tiền 428.660.000 đồng theo Giấy mượn tiền mà bà H đã viết, ký xác nhận cho ông A là phù hợp quy định theo các điều luật đã viện dẫn nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Do ông A không yêu cầu bà H phải trả lãi của số tiền 428.660.000 đồng do chậm trả nên không xét.

[2.3] Do ông A tự chịu số tiền 4.080.000 đồng chi phí giám định theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên ngày 05/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công An Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ ký, chữ viết và dấu vây tay của bà H và không yêu cầu giải quyết số tiền này nên không xét.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn ông A được chấp nhận số tiền là 21.146. 400 đồng.

[4] Theo giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thanh H thì bà H sinh ngày 08/5/1957 nên bà H thuộc đối tượng người cao tuổi là phù hợp tại Điều 2 Luật Người cao tuổi quy định;

[5] Căn cứ Luật Phí và lệ phí và Điều 12 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà H thuộc trường hợp được miễm nộp án phí nên bà H không phải nộp án phí sơ thẩm số tiền là 21.146. 400 đồng;

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 6 Điều 95, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí; Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Bùi Thanh H trả cho ông Lâm Văn A số tiền 428.660.000 đồng theo giấy mượn tiền mà bà Bùi Thanh H viết, ký xác nhận cho ông Lâm Văn A. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thanh H được miễn án phí dân sự sơ thẩm số tiền 21.146. 400 đồng.

Hoàn trả cho ông Lâm Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.573.200 đồng theo biên lai thu số 0020574 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Lâm Văn A, bị đơn bà Bùi Thanh H vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận :
- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn